

Nguyễn Công Trứ

--- không rõ tác giả ---

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) quê gốc làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, Nghệ An. Ông là nhà thơ, nhà kinh tế lớn cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Trong cuộc đời làm quan, ông bị thăng, giáng chức nhiều lần, có lúc phải làm lính thú song vẫn giữ được chí khí. Ông có công lớn trong việc khai khẩn đất hoang, lập các huyện Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình) cùng hai tổng Hoàng Thu và Minh Nhất. Ông còn nổi tiếng với những bài thơ, bài hát nói thể hiện một tâm hồn phóng khoáng, khát vọng hành động vì cuộc đời.

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1859), tự Tồn Chất biệt hiệu Hy Văn, nguyên quán ở làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An (nay thuộc tỉnh Nghệ An), song ông được sinh tại xã Địa Linh, huyện Quỳnh Côi, Thái Bình. Ông xuất thân trong gia đình quan lại, có truyền thống văn thơ. Cha ông là Đức Ngạn Hầu Nguyễn Công Tấn. Mẹ là ái nữ của quan Quản nội thị Cảnh Bá Nhạc ở Sơn Nam. Chị là Năng văn nữ sĩ rất giỏi văn thơ, từng được vua Minh Mạng ban 4 chữ "tiết hạnh khả phong".

Tuy xuất thân từ dòng dõi thế phiệt nhưng Nguyễn Công Trứ phải sống trong cảnh hàn vi vì gia sản bị chiến tranh tàn phá. Từ nhỏ, ông đã có chí học hành mong giúp dân, giúp nước.

Tương truyền rằng, một lần có việc đi xa, trời rét. Nguyễn Công Trứ vào quán nước bên đường nghỉ chân. Gặp lúc đại binh của Tả quân Lê Văn Duyệt đi tập về, mọi người sợ hãi nép vào một góc, riêng ông vẫn đắp chiếu nằm trên ổ rơm ngủ. Quân lính đánh thức ông dậy, Lê Văn Duyệt thấy ông là học trò nho nhã, liền bảo Nguyễn Công Trứ thử vịnh cảnh "nằm ổ rơm đắp chiếu", nếu hay sẽ được tha. Ông ứng khẩu đọc.

*Ba vạn anh hùng đè xuống dưới
Chín lần thiên tử dọi lên trên*

(ý chỉ rơm là "anh hùng rơm", chiếu ví với chiếu chỉ của vua).

Lê Văn Duyệt khen hay, thưởng tiền và thả cho.

Năm Gia Long ra Bắc thành (1804) có trú lại Nghệ An ít ngày. Nguyễn Công Trứ đến bái yết và dâng lên vua tập "Thái Bình thập sách" (Mười kế sách giữ nước nhà thái bình) của mình soạn, đề cập đến vấn đề phát triển nông nghiệp để phục hưng kinh tế. Theo ông "muốn an định xã hội và đưa đời sống dân lên một hoàn cảnh tốt đẹp và cao cả hơn thì phải phát triển nghề nông, lấy nông nghiệp và kinh tế làm căn bản (canh nông vi bản).

Mãi đến năm 41 tuổi (1819), Nguyễn Công Trứ mới đậu Giải nguyên kỳ thi Hương và làm quan liên tiếp ba đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Năm 1827, Nguyễn Công Trứ nhận lệnh cùng Thống quản Phạm Văn Ly cầm quân trấn áp cuộc nổi dậy của Phan Bá Vành. Từ đó Nguyễn Công Trứ mới thấy miền duyên hải Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương có nhiều đất phì nhiêu bỏ hoang bèn nghĩ ra kế hoạch khẩn hoang vùng đất này. Năm 1828 Nguyễn Công Trứ được thăng Hình bộ thị lang (trông coi việc hình án ở dinh Tổng trấn Bắc thành) kiêm doanh Điện sứ. Nguyễn Công Trứ đi kinh lý khắp bãi bồi duyên hải, từ vẽ bản đồ, phát trâu bò, nông cụ cho dân để khẩn hoang. Chỉ trong 2 năm, Nguyễn Công Trứ lập ra hai huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình) cùng hai tổng Hoàng Thu và Minh Nhất (ven bờ biển Thái Bình, Ninh Bình), khai khẩn được 33.570 ha đất. Năm 1852 đời Tự Đức thứ 5, nhân dân ở hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải cùng nhau xây dựng sinh từ, thờ Nguyễn Công Trứ ngay lúc ông còn sống (75 tuổi).

Năm 1832, lúc Nguyễn Công Trứ làm Bố chánh rồi Tổng đốc Hải Yên (Hải Dương, Quảng Yên), ông tiếp tục khẩn hoang được 3.500 ha ven biển ở đây. Sau đó, năm 1838 - 1839, Nguyễn Công Trứ còn chiêu dụ được người Hoa để khai khẩn trên 700 ha, lập thành làng Hưng Hóa. Năm 1833, Nguyễn

Công Trứ làm Tham tán quân vụ đi trấn áp cuộc nổi dậy của Nông Văn Vân suốt 2 năm mới xong và được phong Binh bộ thượng thư và vẫn ở Hải Yên làm Tổng đốc. Sau vì để xống một trọng tù, Nguyễn Công Trứ bị giáng bốn cấp, đổi về kinh. Năm 1840 ông làm Đô ngự sử, chủ khảo trường thi Hà Nội. Sau đó lại cùng Nguyễn Tri Phương, Phạm Văn Điển dẹp tan cuộc xâm nhập lãnh thổ Việt Nam của quân Xiêm, kể đó Nguyễn Công Trứ cùng Doãn Uẩn đánh tan liên quân Xiêm - Chân Lạp. Năm 1843 vừa được thăng Binh bộ Tham tri ông bị vu cáo, triều đình cách hết chức tước, phát đi làm lính biên thùy ở Quảng Ngãi. Đến năm 1845, Nguyễn Công Trứ mới được bổ làm Chủ sự Bộ Hình ở kinh đô, rồi quyền án sát Quảng Ngãi, dần dần đổi về làm Phủ thừa Thừa Thiên và 1847 làm Phủ Doãn Thừa Thiên. Trong 28 năm làm quan, Nguyễn Công Trứ bị giáng chức và cách chức đến 5 lần, nặng nhất là lần bị tước hết chức làm lính thú, nhưng lúc nào cũng giữ được chí khí.

Năm Tự Đức nguyên niên (1848), Nguyễn Công Trứ tròn 70 tuổi, xin về hưu, sống ở quê nhà đến khi mất (1859).

Nguyễn Công Trứ sáng tác rất nhiều, hầu hết bằng chữ Nôm, nhưng phần lớn đã bị thất lạc, hiện chỉ còn khoảng 150 bài gồm đủ các thể loại, nhưng nhiều nhất và thành công nhất là những bài thuộc thể hát nói. Thơ văn của ông ca tụng chí làm trai và công danh, vai trò nhà nho và đặc biệt ca ngợi con người hành động, nhập thế, con người trung hiếu:

*Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông...*

(Đi thi tự Vịnh)

Năm 1858 thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng, lúc đó dù đã 80 tuổi ông vẫn xin vua Tự Đức đi tòng quân: "Thân già này còn thờ ngày nào xin hiến dâng cho nước ngày ấy". Nhưng sau đó không lâu, vào ngày 14-11 năm Mậu Ngọ (1859) ông từ trần.